

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19/6/2020.

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Hoàng

2. Bà Nguyễn Thị Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 176/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019, về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm: 1978

- Bị đơn: Anh Ngô Thành Đ, sinh năm: 1977

Cùng trú tại: Tổ 7, thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

(Nguyên đơn chị T; bị đơn anh Đ có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, chị Phan Thị T trình bày: Chị và ông Ngô Thanh Đ tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và đến với nhau thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 1999. Đến năm 2006 vợ chồng chị mới đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T vào năm 2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ hay uống rượu, ghen tuông vô cớ về đánh đập chị rất nhiều lần nhưng chị cũng tha thứ, bỏ qua để lo cho gia đình. Nhưng anh Đ không thay đổi nên mâu thuẫn quá nhiều lần. Ngoài ra, anh Đ thiếu nợ Ngân hàng, nợ bên ngoài xã hội và người ta vào nhà đánh đập chị bắt buộc trả nợ, đổ dầu nhót vào nhà. Anh Đ ngủ phía trên nhưng không can thiệp để bản thân tôi phải gánh chịu. Từ đó chị không thể sống chung với anh Đ được. Chị bán nhà để trả nợ cho anh Đ và thuê nhà trọ sống nuôi cháu D từ giữa năm 2019 cho đến nay. Vợ chồng chị không

còn quan tâm, yêu thương chăm sóc lẫn nhau. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn nhau.

- Về con chung: Chị T khai vợ chồng chị có 02 con chung tên là:

1. Ngô Thị Kim A, sinh ngày 09/6/2000

2. Ngô Quốc D, sinh ngày 23/9/2008.

Nếu ly hôn chị T yêu cầu được nuôi cháu D, không yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu A đã lớn, lập gia đình nên chị không yêu cầu xem xét.

- Về tài sản chung: Chị T khai trước đây vợ chồng chị có nhà và đất do cha chồng cho nhưng đã bán cho người khác để trả nợ. Nay chị không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Trước đây chị có khai nợ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Phòng giao dịch T nhưng hiện nay đã trả xong và chị đã cung cấp cho Tòa án các chứng cứ chứng minh cho việc trả nợ xong. Nay nợ chung của vợ chồng không còn nợ ai.

* Bị đơn, anh Ngô Thành Đ trình bày: Về điều kiện kết hôn, quan hệ hôn nhân, thời gian kết hôn, thời gian đăng ký kết hôn và con chung anh Đ thống nhất như lời chị T khai. Nhưng về nguyên nhân mâu thuẫn theo anh Đ do vợ anh ngoại tình với người khác, tuy anh không có chứng cứ nhưng anh biết điều đó. Ngoài ra do làm ăn thua lỗ nên người ta đến nhà đòi nợ, họ có đồ nhốt vào nhà anh. Anh Đ khai có đánh chị T nhiều lần và cũng xác nhận gần 01 năm nay chị T cùng con ra thuê nhà sống riêng vì căn nhà chung của vợ chồng anh chị đã bán cho người khác để trả nợ cho anh. Tuy nhiên, anh Đ không đồng ý ly hôn với chị T. Anh Đ khai trước đây và tại phiên tòa sẽ không ký vào bất cứ biên bản, giấy tờ gì cả vì anh Đ không muốn ly hôn nên anh Đ không nêu vấn đề nuôi con.

Về tài sản chung thì vợ chồng có nhà đã bán để trả nợ cho anh do làm ăn thua lỗ và trả nợ cho Ngân hàng. Vợ chồng anh tự giải quyết về tài sản và nợ chung.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Phan Thị T. Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị T được ly hôn với anh Ngô Thành Đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung là cháu D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét. Đối với cháu Kim A đã lớn nên không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều

35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn anh Nguyễn Thành Đ cư trú tại huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị T và anh Ngô Thành Đ tổ chức lễ cưới vào năm 1999. Đến năm 2006 vợ chồng chị T và anh Đ mới đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyển số: 01/2006 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 08/9/2006 nên xác định chị T và anh Đ là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn chị T xác định vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T là do anh Đ hay uống rượu, ghen tuông vô cớ về đánh đập chị rất nhiều lần nhưng chị cũng tha thứ, bỏ qua để lo cho gia đình. Nhưng anh Đ không thay đổi nên mâu thuẫn đánh đập chị T nhiều lần. Từ đó chị không thể sống chung với anh Đ được. Chị thuê nhà trọ sống riêng với cháu D từ giữa năm 2019 cho đến nay. Vợ chồng chị không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Còn theo anh Đ nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T ngoại tình.

Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân của vợ chồng chị T anh Đ có mâu thuẫn thật sự. Vợ chồng có thời gian sống ly thân nhau nhưng vẫn không gắn kết được với nhau. Chị T kiên quyết được ly hôn với anh Đ. Anh Đ thì không muốn ly hôn. Nhận thấy các bên đương sự không thật sự mong muốn sống bên nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài thì cuộc sống hôn nhân cũng không có. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị T xin được ly hôn với anh Ngô Thành Đ.

[3] Về con chung: Xác định trong thời kỳ hôn nhân và quá trình chung sống, vợ chồng chị T và anh Đ thống nhất có 02 con chung tên là:

1. Ngô Thị Kim A, sinh ngày 09/6/2000
2. Ngô Quốc D, sinh ngày 23/9/2008.

Nguyện vọng của chị T nếu ly hôn chị T xin được nuôi cháu D đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành. Riêng cháu Kim A hiện nay đã trưởng thành, có gia đình riêng không yêu cầu Tòa giải quyết. Do bị đơn anh Ngô Thành Đ không có ý kiến về việc mong muốn nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu D từ trước đến nay sống ổn định với chị T. Đồng thời nguyện vọng của cháu D mong muốn được sống với mẹ. Để bảo vệ và ưu tiên quyền làm mẹ của người phụ nữ. Để đảm bảo cuộc sống bình thường và nguyện vọng của cháu D. Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao cháu D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế và đúng pháp luật. Còn cháu Kim A hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa

án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị T và anh Đ đã tự giải quyết tài sản chung không yêu cầu Tòa án quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị T và anh Đ khai vợ chồng đã tự giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phan Thị T phải chịu số tiền: 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Được tính trừ vào số tiền: 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 0005285 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

[8] Các bên đương có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 2 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Phan Thị T. Chị Phan Thị T được ly hôn với anh Ngô Thành Đ.

2. Về con chung, nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung:

- Xác định vợ chồng chị Phan Thị T và anh Ngô Thành Đ có 02 con chung tên là:

1. Ngô Thị Kim A, sinh ngày 09/6/2000

2. Ngô Quốc D, sinh ngày 23/9/2008.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Phan Thị T. Giao cháu Ngô Quốc D, sinh ngày 23/9/2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Riêng cháu Ngô Thị Kim A đến nay đã đủ tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Chị T không yêu cầu anh Ngô Thành Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Chị T và anh Đ tự giải quyết không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị T và anh Đ tự giải quyết, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phan Thị T phải chịu số tiền: 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng). Được tính trừ vào số tiền: 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 0005285 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA.DS huyện T;
- UBND xã B.
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký tên, đóng dấu)

Đặng Phùng Thành